

**THỐNG KÊ TÀN SUẤT SỬ DỤNG PHÒNG HỌC NHÀ A
TỪ NGÀY 20/08/2017 ĐẾN 20/08/2018**

STT	Phòng học	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ 1	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ 2	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ hè	Số lượt theo bố trí ngoài buổi ngày/ năm	Bố trí buổi tối/ năm	Tổng số lượt/ năm
1	A1 201	0	0	0	128	131	259
2	A1 202	0	0	0	121	167	288
3	A1 203	0	0	0	87	21	108
4	A1 204	0	0	0	75	1	76
5	A1 205	0	0	0	79	0	79
6	A1 301	0	0	0	66	0	66
7	A1 302	0	0	0	72	30	102
8	A1 303	0	0	0	68	1	69
9	A1 304	0	0	0	88	4	92
10	A1 305	0	0	0	60	0	60
11	A1 401	0	0	0	48	0	48
12	A1 402	0	0	0	43	0	43
13	A2 101	9	18	0	70	176	273
14	A2 102	16	28	3	49	217	313
15	A2 103	14	30	0	83	200	327
16	A2 104	13	30	3	28	199	273
17	A2 201	17	26	0	56	138	237
18	A2 202	15	28	0	54	139	236
19	A2 203	16	21	0	47	128	212
20	A2 204	11	28	0	29	120	188
21	A2 301	17	17	0	39	87	160
22	A2 302	14	20	0	34	80	148
23	A2 303	15	20	0	20	71	126
24	A2 304	16	22	0	20	67	125
25	A2 404	17	39	0	3	48	107
26	A2 405	22	33	0	0	42	97
27	A2 406	17	36	0	1	41	95
28	A3 102	0	0	0	155	184	339
29	A3 103	17	36	7	33	177	270
30	A3 104	15	21	0	61	203	300

STT	Phòng học	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ 1	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ 2	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ hè	Số lượt theo bố trí ngoài buổi ngày/ năm	Bố trí buổi tối/ năm	Tổng số lượt/ năm
31	A3 105	20	42	0	43	203	308
32	A3 201	12	30	0	36	118	196
33	A3 202	17	20	0	49	133	219
34	A3 203	11	22	0	46	124	203
35	A3 204	17	31	0	34	116	198
36	A3 301	17	32	0	24	83	156
37	A3 302	12	27	0	22	75	136
38	A3 303	20	33	0	28	67	148
39	A3 304	18	31	0	18	62	129
40	A3 401	18	22	0	13	1	54
41	A3 403	18	26	0	13	41	98
42	A3 404	18	31	0	9	37	95
43	A4 101	13	31	0	37	71	152
44	A4 102	8	22	0	44	50	124
45	A4 201	10	21	0	27	89	147
46	A4 202	0	12	0	40	34	86
Tổng		490	886	13	2200	3976	7565

Nghệ An, ngày 1 tháng 9 năm 2018

PHÒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐẦU TƯ

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Đình Luân

Phan Thị Thu Hiền